

“TIẾNG” NƯỚC TÔI VÀ “LỜI” VĨNH CỬU

(Nhân kỷ niệm 90 năm qua đời (1932-2022) của thừa sai Albert Schlicklin (Cố Chính Linh), người đầu tiên dịch trọn bộ Thánh Kinh sang Quốc ngữ)

Dẫn nhập: Lời Chúa nhập thể vào mảnh đất Việt Nam

Nếu chọn thời điểm **1651**, năm linh mục thừa sai Đắc Lộ xuất bản hai tác phẩm Quốc Ngữ đầu tiên tại Rôma: *TỰ ĐIỂN VIỆT-BỒ-LA* và *PHÉP GIẢNG TÁM NGÀY*, để xác nhận cột mốc khai sinh chữ Quốc ngữ, thì phải mất gần ba thế kỷ sau, người Việt nam mới có thể đọc trọn bộ Kinh Thánh bằng “tiếng mẹ đẻ”. Thật vậy, lần đầu tiên trọn bộ Kinh Thánh bằng Quốc ngữ cùng phần chú giải kỹ lưỡng đã được thừa sai Albert Schlicklin (Cố Chính Linh)¹ thuộc giáo phận Tông tòa Tây Đàng Ngoài chuyển dịch và được Hội Thừa Sai Paris xuất bản tại Hong Kong năm **1913-1914 (Cựu Ước) – 1916 (Tân Ước)** với tiêu đề *KINH THÁNH CỨ BẢN VULGATA* trọn bộ bốn tập I, II, III, IV, in song ngữ với hai cột song song: bên trái tiếng Việt, bên phải tiếng La Tinh. Phải chăng đó chính là cột mốc, là cái “Giờ” để Lời Chúa chính thức “nhập thể” vào mảnh đất Việt Nam !

Thực ra, trước đó hai năm (1910), Cố Chính Linh đã hoàn thành bản dịch như chính ngài xác nhận được ghi trong phần Tựa của cuốn Kinh Thánh: *“Tại nhà tràng Lý đoán Ninh Phú (Kể Sở), ngày lễ Đức Chúa Thánh Thần hiện xuống, là ngày 15 tháng Maiô năm 1910”*²; có nghĩa là, sau chặng đường hơn “hai thế kỷ rưỡi”, tiếng Việt của thừa sai Alexandre de Rhodes (1651) và tiếng Việt của thừa sai Albert Schlicklin (1910) đã cách xa một trời một vực. Thật vậy, nếu cuốn Tự điển Việt Bồ La của Đắc Lộ chỉ với khoảng 9.000 mục từ, thì toàn bộ Kinh Thánh tiếng Việt của Cố Chính Linh không biết bao nhiêu từ tiếng Việt mà kể ! Có thể nói được, ngôn ngữ Việt hoàn toàn có đầy đủ mọi từ để chuyển tải Lời Chúa, để diễn tả các ý nghĩa và chiều kích thâm sâu của Mạc Khải. *Cho nên, xét về mặt văn chương văn học, có thể nói đây là một tác phẩm Quốc Ngữ ghi dấu ấn quan trọng trong lịch sử văn học văn chương Công Giáo !*

Riêng đối với những người Kitô hữu Việt Nam, Công Giáo hay Tin Lành hoặc các hệ phái Kitô giáo khác, vừa rất tự hào về công trình của các bậc tiền nhân vừa trân trọng biết ơn các ngài; bởi nhờ các ngài mà chúng ta dễ dàng tiếp cận Lời Chúa bằng tiếng mẹ đẻ, dễ dàng đọc, học, công bố, gẫm suy, truyền giảng... bằng chính ngôn ngữ Việt Nam của mình.

Và rồi, kể từ Bộ *Kinh Thánh cứu bản Vulgata* chuẩn mực này, cho tới hôm nay đã lần lượt xuất hiện nhiều phiên bản dịch Kinh Thánh khác nhau, hoặc trọn bộ hoặc từng phần hay một số

¹ **Albert Schlicklin** (1857-1932), còn được biết với tên gọi Cố Chính Linh (“cố” là cổ đạo, “Chính Linh” là tên âm Việt của ông), là một linh mục Công giáo La Mã người Pháp. Ông là người có công dịch bộ Kinh Thánh từ tiếng Latinh sang ngôn ngữ Việt Nam. Bản dịch của ông cho tới ngày nay vẫn là cơ sở cho các bản dịch Kinh Thánh chính thức. Ông sinh ngày 12 tháng 11 năm 1857 tại Liebsdorf, vùng Alsace (Pháp). Được Hội Thừa sai Paris gửi đến Việt Nam năm 1885, với sự giúp đỡ của các học giả Công giáo người Việt, ông nghiên cứu ngôn ngữ Việt và tập trung cho việc chuyển ngữ bộ Kinh Thánh từ bản Kinh Thánh Latin Vulgate, là bản Kinh Thánh được Tòa Thánh Vatican chính thức công nhận. Khoảng năm 1913 - 1914, Hội Thừa Sai Paris tại Hongkong cho phát hành bản Kinh Thánh Cựu ước, được in song ngữ bản Latin Vulgate với bản dịch Việt ngữ của ông. Năm 1916, Kinh Thánh Tân ước cũng được phát hành và cũng in song ngữ, một bên chữ Việt một bên chữ Latin.

Ngoài công trình dịch Kinh Thánh ra, ông còn viết một số tác phẩm bằng Việt ngữ như:

“Sách dạy về gốc tích cội rễ sự đạo”, 1908

“Thần học tín lý”, 1908

“Thần học luân lý”, 1911

“Công giáo luân lý khoa”, 1919

“Triết học khoa”, 1917

“Phép mộ sự khôn ngoan”, 1917

Ông qua đời ngày 2 tháng 3 năm 1932 tại Hà Nội.

Nguồn: Wikipedia: https://vi.wikipedia.org/wiki/Albert_Schlicklin

² KINH THÁNH CỨ BẢN VULGATA I, Cố chính Linh địa phận Tây Đàng ngoài, dịch ra tiếng An Nam và thích nghĩa, Hong Kong 1913, Tựa, XVI Về chế độ lề lối ta cứ trong sách này, tr. 23.

tác phẩm..., của Giáo Hội Công Giáo cũng như Hội Thánh Tin Lành. Riêng phía Công Giáo, chúng ta có các bản dịch *Kinh Thánh trọn bộ* lần lượt được thực hiện như³:

- Bản dịch của Linh mục Gérard Gagnon do Thánh Tâm Biệt Thự Đà Lạt xuất bản năm 1963.
- Bản dịch của linh mục Trần Đức Huân do nhà xuất bản Ra Khơi Sài Gòn, xuất bản năm 1970.
- Bản dịch Kinh Thánh để dùng trong Phụng vụ của Ủy Ban Phụng Vụ năm 1973⁴.
- Bản dịch của linh mục Nguyễn Thế Thuần do Dòng Chúa Cứu Thế xuất bản năm 1976.
- Bản dịch của Đức Hồng Y G.M. Trịnh Văn Căn do Tòa Giám Mục Hà Nội xuất bản năm 1985.
- Bản dịch của Nhóm Phụng Vụ Giờ Kinh do Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 1998. (x. PHƯỚC NGUYỄN)⁵.

Nhân dịp kỷ niệm 90 năm qua đời của vị dịch giả thời danh, Albert Schlicklin – Cố chính Linh (1932-2022), một thừa sai, một trí thức, một thần học gia và triết gia, và 109 năm bản dịch *Kinh Thánh cứu bản Vulgata* của ngài (1913-2022), xin được khái quát đôi điều về cuốn Kinh Thánh tiếng Việt đầu tiên như một nén hương kính dâng về ngài; và như một “gợi ý” để các thế hệ cháu con hôm nay trân trọng di sản quý hiếm của cha ông cũng như biết tìm về học hỏi, rút ra từ đó những giá trị tuyệt hảo mang tính “*thừa thặng tiếp hạ*” hay “*ăn quả nhớ kẻ trồng cây*”!

I. LỜI CHÚA VÀ CHIẾC “XIÊM Y ĐIỂM LỆ”

1. Nhận xét tổng quát:

Linh mục Alberto Trần Phúc Nhân đã có một nhận xét tổng quan về bản dịch trọn bộ Kinh Thánh này như sau:

Kinh Thánh cứu bản Vulgata. Cố Chính Linh (Albertus Schlicklin) địa phận Tây Đà Nẵng ngoài dịch ra tiếng Annam và thích nghĩa. Bộ này gồm 4 cuốn khổ 18 x 24 cm, với 768, 736, 652 và 894 trang. Sách có chuẩn ấn của Đức Cha P.M. Gendreau (Đức Cha Đông) ký tại Hà Nội ngày 19- 03-1913, và in năm 1913-1916 tại Hồng Kông ở nhà in Nazareth của Hội Truyền Giáo Paris. Vậy tính đến nay là chẵn 90 năm.

Chính bản văn Kinh Thánh chia làm hai cột: bản Vulgata La-tinh và bản dịch tiếng Việt. Bên dưới mỗi trang, thường có các chú thích, dài ngắn tùy chỗ ; các chú thích về “Sấm truyền mới” (Tân Ước) khá dài. Ngoài ra còn có những “Lời mở đầu” chung cho mỗi loại sách và riêng cho từng cuốn sách.

Nói chung, đối với chúng ta, lối văn đã quá xưa, nhất là trong cách xưng hô. Ngay trang đầu có dẫn Ga 5,39: “Hãy lục xét Sách thánh... Sách thánh làm chứng về tao.” Hay câu Đức Giê-su “lả lơi” cho bà vợ ông Ê-dê-đê và hai con: “Đức Chúa Giêsu bảo các chúng rằng: thật chén tao thì bay sẽ uống ; còn sự ngồi bên tả bên hữu tao, chẳng phải tự tao ban cho bay, bèn là những kẻ Cha tao sắm để cho nó” (Mt 20,23). Dầu sao chúng ta phải khâm phục công trình của một vị thừa sai ngoại quốc đã mở đường cho việc dịch thuật và giải thích Kinh Thánh”⁶.

2. “Chiếc xiêm y” điểm lệ:

2.1. Hình thức trang trọng:

Xưa nay, cuốn sách nào mang tính giá trị cao (Kinh điển, Tự điển bách khoa, Lịch sử, Kỹ yếu...) thường được thiết kế in ấn với khổ giấy lớn, bìa cứng; nếu nhiều trang thì phân thành nhiều tập. Đối với các tín đồ các tôn giáo, sách Kinh Thánh là cuốn sách quan trọng và đáng

³ X. LINH MỤC ALBERTO TRẦN PHÚC NHÂN, *Các bản dịch toàn bộ Kinh Thánh sang tiếng Việt, trích từ tác phẩm “Hướng đến 400 năm Văn học Công Giáo”, tr. 776-782.*

⁴ Không xuất bản thành một cuốn Kinh Thánh trọn bộ; chỉ có các bản văn trong các sách Phụng vụ; đặc biệt Sách Các Bài Đọc trong Thánh lễ.

⁵ PHƯỚC NGUYỄN, *Quá Trình Phiên Dịch Kinh Thánh Sang Tiếng Việt*, trích từ Nguyệt San Linh Lực (1996), San Diego, California, website www.thuvientinlanh.org/quota-trinh-phien-dich-kinh-thanh-sang-tieng-viet/ đăng tháng 1/1996

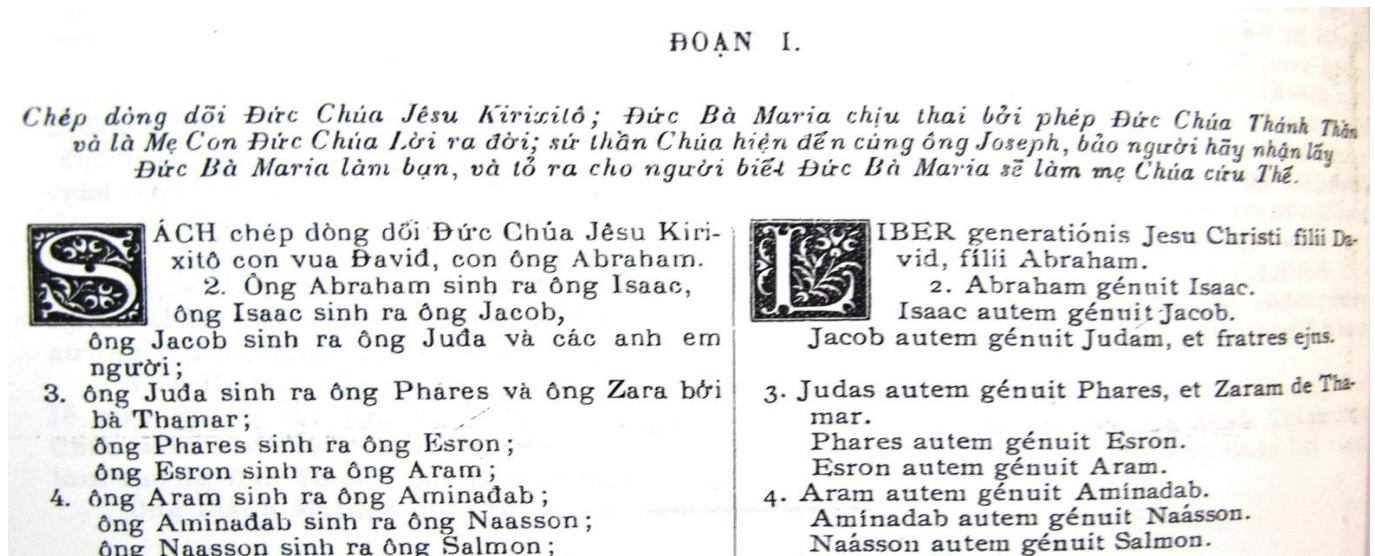
⁶ LINH MỤC ALBERTO TRẦN PHÚC NHÂN, *sđd*, tr. 777.

tôn kính nhất. Chắc chắn, trong cái nhìn “trân trọng” đối với Lời Chúa đó, Cố Chính Linh, khi cho xuất bản cuốn Kinh Thánh trọn bộ đầu tiên bằng Quốc Ngữ đã mặc cho tác phẩm đặc biệt này một hình thức “trang trọng” với khổ in 18 x 24, một hình thức mà liên tiếp về sau, cả Công Giáo, lẫn Tin Lành, không có cuốn Kinh Thánh Việt ngữ nào mang dáng vóc đặc biệt như thế. Tất cả chỉ dừng lại ở khổ giấy 14 x 20; và cũng chỉ cuốn Kinh Thánh này được phối trí thành bốn tập I, II, III, IV theo đúng trình tự của Quy điển bản Kinh Thánh chuẩn Vulgata. Hầu hết các cuốn Kinh Thánh sau này đều in chung thành một cuốn; hoặc giả chia thành hai: một Cựu Ước, một Tân Ước.



2.2. Trình bày song ngữ hay vai trò của bản Vulgata:

Ngoài những phần phụ cơ bản như linh mục Trần Phúc Nhân nhận xét “Bên dưới mỗi trang, thường có các chú thích, dài ngắn tùy chỗ ; các chú thích về “Sấm truyền mới” (Tân Ước) khá dài. Ngoài ra còn có những “Lời mở đầu” chung cho mỗi loại sách và riêng cho từng cuốn sách...”⁷, điều đáng lưu ý của cuốn Kinh Thánh này đó là “Kinh Thánh chia làm hai cột: bản Vulgata La-tinh và bản dịch tiếng Việt”⁸, một hình thức mà cho tới hôm nay, cũng chưa thấy một cuốn Kinh Thánh tiếng Việt nào sử dụng.



Hình thức này có quan trọng không? Thừa rất quan trọng và cần thiết; nhất là đối với chủng viện, tu viện, hay những cộng đoàn, những cá nhân muốn tiếp cận với tác phẩm Vulgata bằng tiếng La tinh. Đừng quên, đây là một kỳ công của chính thánh tiến sĩ Giêrônimô (347-420) và là bản Kinh Thánh chuẩn mực của Giáo Hội Công Giáo tông truyền kể từ thế kỷ thứ năm như quyết định của Công Đồng Trento (1546): “Nếu có ai không tiếp nhận các sách đó nguyên vẹn cùng với tất cả các phần của chúng, như người ta đã quen đọc chúng trong Giáo Hội Công Giáo và theo bản cũ là Latin thông tục bản (vulgata), như là những Sách Thánh và đúng theo quy điển Kinh Thánh (canonique); nếu người đó, một cách ý thức và cố ý, khinh thường các truyền thống nói trên: người đó phải bị trục xuất” (DENZINGER 1504)⁹. (x. JOHN A. HARDON)¹⁰.

Và cũng chính qua yếu tố “song ngữ Việt – La” này mới thấy độ tự tin của Cố Chính Linh khi chuyển dịch Lời Chúa qua ngôn ngữ Việt; phải chăng, đây cũng chính là điểm thuận lợi để các thế hệ tiếp nối khi thực hiện các bản dịch Kinh Thánh có bản văn gốc để quy chiếu hầu biết bản dịch của mình trung thực với Lời Chúa thế nào; hoặc để khỏi trệch xa khỏi nội dung căn bản của Kinh Thánh được Giáo Hội chuẩn nhận như Thánh Công Đồng Trento xác quyết: “Hơn nữa Thánh Công đồng nghĩ rằng một điều có thể là hữu ích không nhỏ cho Giáo Hội của Thiên Chúa là biết bản nào phải coi là trung thực trong các bản Latin đã được xuất bản về các Sách Thánh đang lưu hành, cho nên Công Đồng quyết định và tuyên bố rằng chính bản Latin cổ kính và thông tục (vulgata), vốn được tán thành trong Giáo Hội do được sử dụng lâu dài trong biết bao thế kỷ, phải được coi là trung thực trong các cuộc giảng giải, tranh luận, rao giảng và trình bày công khai; xin đừng có ai cả gan hoặc có ý định vứt bỏ bản đó với bất kỳ cơ nào”¹¹.

⁷ Sđđ.

⁸ Sđđ.

⁹ HEINRICH DENZINGER, *Các Tín biểu, Định tín và Tuyên bố của Giáo Hội Công Giáo trong lãnh vực đức tin và phong tục*, chuyển ngữ: Im. Nguyễn Văn Hòa O.P., nxb Tôn Giáo 2019, khoản 1504, tr. 1546.

¹⁰ JOHN A. HARDON, S.J., *Tự điển Công Giáo phổ thông*, chủ biên: Im. Đặng Xuân Thành, phiên dịch: Nhóm Chánh Hưng, nxb Phương Đông 2008, tr. 304-306.

¹¹ HEINRICH DENZINGER, *sđđ*, khoản 1506, tr. 1546.

2.3. Trình bày các tác phẩm và bản văn:

Cũng giống như cách trình bày chung các sách Kinh Thánh, trước mỗi tác phẩm (Sáng Thế, Xuất Hành, Tin Mừng Matthêu, Khải Huyền...) đều có một giới thiệu khái quát về tác giả và nội dung tác phẩm. Cuốn Kinh Thánh Quốc ngữ của Cố Chính Linh cũng không ngoại lệ. Tuy nhiên, điều đáng lưu ý là cách trình bày các bản văn.

Thật vậy, một trong những điểm đặc trưng của bản văn Kinh Thánh đó là luôn đi kèm với “dấu chỉ bằng số” xác nhận về “Đoạn” (hay “Chương”) và “Câu”. Chắc chắn nhờ phương cách đặc biệt này mà việc trích dẫn, tham chiếu, chứng minh và học thuộc trở nên dễ dàng. Nếu hầu hết các sách Kinh Thánh về sau thường để số chỉ “Đoạn” ở ngay đầu bản văn (Liền kề trước câu số “1”). Ví dụ: **1** ₁ *Lúc khởi đầu, Thiên Chúa sáng tạo trời đất.* **2** *Đất còn trống rỗng, chưa có hình dạng, bóng tối bao trùm vực thẳm, và thần khí Thiên Chúa bay lượn trên mặt nước (St 1,1-2),* thì với “Kinh Thánh cử bản Vulgata”, **đoạn** được đặt phía trên bản văn và ngay chính giữa với cỡ chữ lớn và dùng số La Mã cùng với một đoạn ghi chú nội dung khái quát bên dưới.

ĐOẠN 1.

Day về sự Đức Chúa Lời dựng nên lời đất, từ hành, thảo mộc, loài vật và loài người.

1. Đầu trước hết Đức Chúa Lời dựng nên lời đất.
2. Đất còn hỗn độn trôi không, có sự tối tăm trên mặt vực; và có thần Chúa chuyển vận trên khắp nước.
3. Đức Chúa Lời phán rằng: hãy có sự sáng. Liền có sự sáng.
4. Đức Chúa Lời thấy sự sáng tốt lành. Người phân sự sáng ra khỏi sự tối.

- I**N principio creávit Deus cœlum et terram.
2. Terra autem erat inánis et vácuá, et ténebræ erant super faciém abyssi: et Spiritus Dei ferebátur super aquas.
 3. Dixitque Deus: Fiat lux. Et facta est lux.
 4. Et vidit Deus lucem quod esset bona: et divisit lucem a ténebris.

Những ai lần đầu tiên tiếp xúc với Kinh Thánh mà được đọc bản văn của “*Kinh Thánh cử bản Vulgata*” của Cố Chính Linh chắc chắn sẽ hài lòng về cách trình bày rõ ràng, thứ tự, lớp lang như thế.

3. Chú giải phong phú:

Phần đông các bộ Kinh Thánh đều có phần “Chú giải”. Đây có thể nói được là yếu tố xác định “nền tảng Thánh Kinh và thần học, văn chương và ngôn ngữ” của dịch giả Kinh Thánh. Vì chính trong phần “chú giải” này, người dịch rọi sáng thêm ý nghĩa phong phú, phức tạp, các mối liên quan... của từ ngữ Kinh Thánh cũng như những cách diễn đạt của ngôn ngữ địa phương.

Trong khía cạnh này, bản dịch của Cố chính Linh có thể “chiếm giải quán quân” về lượng chú giải; bởi có nhiều đoạn, phần chú giải nhiều hơn bản văn chính; và phần chú giải đồng hành với bản văn gần như suốt bộ Kinh Thánh. Qua chính phần chú giải này, chúng ta có cơ hội để biết sự phong phú và khả năng của tiếng Việt khi chuyển tải Lời Chúa.

ĐOẠN 1.

Day về sự Đức Chúa Lời dựng nên lời đất, từ hành, thảo mộc, loài vật và loài người.

1. Đầu trước hết Đức Chúa Lời dựng nên lời đất.
2. Đất còn hỗn độn trôi không, có sự tối tăm trên mặt vực; và có thần Chúa chuyển vận trên khắp nước.
3. Đức Chúa Lời phán rằng: hãy có sự sáng. Liền có sự sáng.
4. Đức Chúa Lời thấy sự sáng tốt lành. Người phân sự sáng ra khỏi sự tối.

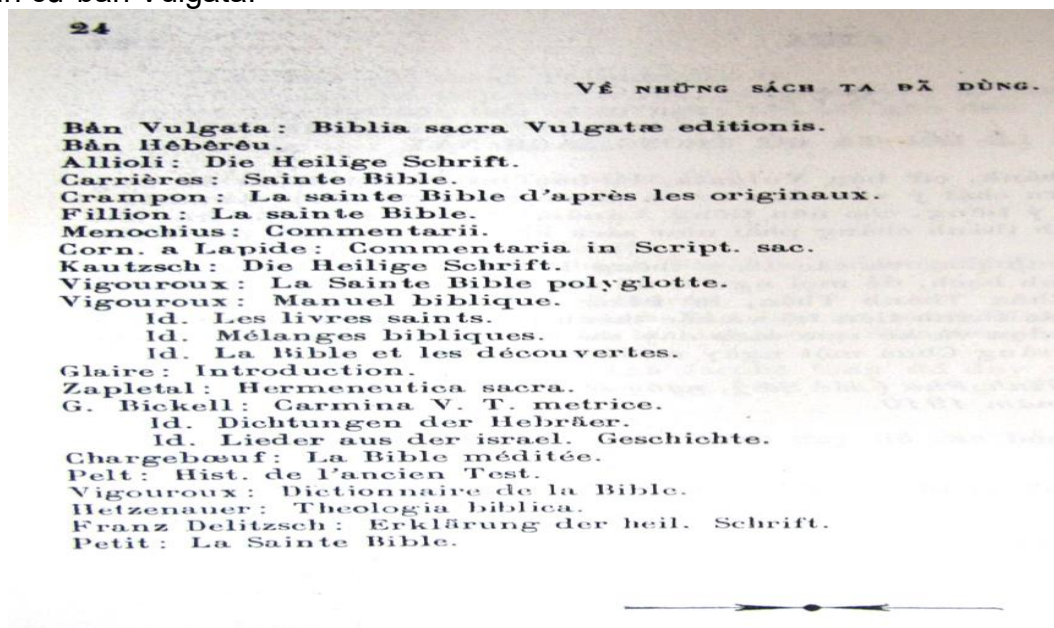
- I**N principio creávit Deus cœlum et terram.
2. Terra autem erat inánis et vácuá, et ténebræ erant super faciém abyssi: et Spiritus Dei ferebátur super aquas.
 3. Dixitque Deus: Fiat lux. Et facta est lux.
 4. Et vidit Deus lucem quod esset bona: et divisit lucem a ténebris.

1. Cờ lời Kinh thánh, lời truyền khẩu và lời tự nhiên, thì có một Đức Chúa Lời là Đấng tự hữu hằng có từ trước vô cùng. Các vật khác đều là loài Chúa đã dựng nên trên lời, chẳng có từ trước vô cùng đâu.
2. “Đầu trước hết” nghĩa là khi chưa có loài nào sống mà đến khi Đức Chúa Lời đã dựng nên lời đất muôn vật.
3. “Đức Chúa Lời,” Có bản chính, tiếng “Chúa” thì đặt ở phần nhiều (plurale) như thế là chỉ bởi vì Đức Chúa Lời có ba Ngôi.
4. “Dựng nên,” nghĩa là tạo thành từ hỗn độn, chẳng có đồng tài chất, vật liệu mà làm nên. Sự ấy thì cũng gọi là lời không mà dựng nên vật gì.
5. “Đức Chúa Lời,” Có bản chính, tiếng “dựng nên” thì đặt ở phần ít (singulare), chẳng khác gì là chỉ Đức Chúa Lời có một tính một phép mà thôi.
6. “Lời đất,” nghĩa là, vật chất tài liệu các loài các vật trên lời dưới đất.
7. “Đầu trước hết” phù hợp trong đạo, tiếng “lời” cũng gồm các tính thiêng liêng Chúa đã dựng nên trên lời là thiên thần, lời lao, chưa phân biệt giống nào ra khỏi giống nào. Mọi sự hỗn độn lộn lạo giống như vực sâu tối tăm mù mịt.
8. “Thần Chúa chuyển vận trên khắp nước,” nghĩa là lòng muốn, ý muốn, phép tắc Đức Chúa Lời ở trên mọi sự mà lập phép tắc thứ tự chế độ và dựng nên phần loài muôn thú vật.
9. Các thánh từ phù hợp đạo và các thầy thông lý đạo điều chỉ lời này về Thánh Thần, là Ngôi thứ ba, và là đồng sáng soi mọi sự làm mọi cùng Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con.
10. Mà thật vốn mọi sự thuộc về lòng thương hay là ý muốn, ở nơi Đức Chúa Lời ba Ngôi thì xứng riêng về Ngôi thứ ba.
11. “Phân” nghĩa là Chúa phân định, muốn — “Hãy có sự sáng;” Phải có sự sáng trước đi mới có thể mà lập được phép tắc thứ tự trên lời dưới đất.
12. “Tối tăm,” nghĩa là sự hỗn độn.
13. “Phân sự sáng ra” nghĩa là sự sáng và sự tối sẽ hằng tiếp nhau liên cơ thứ tự chế độ “Ông bên Chúa đã lập.

4. Uy tín: khỏi bàn cãi

Đọc lại lịch sử Giáo Hội Việt Nam, quả thật chúng ta không nghi ngờ gì trước uy tín và cái đầu uyên bác của một số linh mục thừa sai ngoại quốc hoạt động truyền giáo tại Việt Nam như “nhà Việt Nam học” Cristoforo Borri với tác phẩm “Xứ Đàng Trong”¹², “nhà ngôn ngữ học” Alexandre De Rhodes với Tự điển “Việt Bồ La”¹³; hay sau này có “nhà văn hóa” lớn là linh mục Léopold Cadière với tác phẩm đề tài “Văn hóa, tín ngưỡng và thực hành tôn giáo người Việt”¹⁴. Nhưng khi nói về lãnh vực Kinh Thánh, thần học và triết học thì có lẽ chúng ta phải dành cho linh mục thừa sai Albert Schlicklin – Cố chính Linh, là người đầu tiên chuyển dịch trọn bộ Kinh Thánh Vulgata sang tiếng Việt và soạn tác nhiều tác phẩm thần học, triết học bằng ngôn ngữ Việt. (x. Ghi chú 1 ở trên).

Và dĩ nhiên, ngoài việc được cộng tác và giúp đỡ của những người Công Giáo trí thức Việt Nam lúc bấy giờ, để chuyển tải Lời Chúa sang ngôn ngữ Việt Nam cách trung thực, chuẩn xác, truyền thống và hợp thời, Cố Chính Linh đã đọc, tham khảo nhiều tác giả, tác phẩm và tư liệu Kinh Thánh giá trị và uy tín đương thời, như chính ngài đã liệt kê nơi cuối phần Tựa cuốn Kinh Thánh cử bản Vulgata:



¹² CRISTOFORO BORRI, *Relation de la nouvelle mission des pères de la Compagnie de Jésus au Royaume de la Cochinchine, Xứ Đàng Trong*, Thanh Thư dịch, nxb tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh 2019, trang bìa trước: Cristoforo Borri (1583-1632) sinh tại Milan năm 1583, vào Dòng Tên ngày 16 tháng 9 năm 1601 và khởi hành đi Ấn Độ năm 1615. Dạy toán tại Coimbre và Lisbonne, được vua Philippe của Tây Ban Nha mời tới Madrid để giảng cho ngài về la bàn. Quan tâm đến những vấn đề liên quan tới hàng hải, nghiên cứu về thiên văn học, đã viết một cuốn chuyên luận về nghệ thuật hàng hải và một bản thảo dang dở về hải trình tới Ấn Độ... Ông là một trong những giáo sĩ dòng Tên đầu tiên đến Đàng Trong (Đại Việt), thời chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên, lưu trú ở đó 5 năm (1618-1622).

¹³ ĐỖ QUANG CHÍNH, SJ, *Dòng Tên trong xã hội Đại Việt 1615-1773*, nxb Tôn giáo 2008, tr. 76, chú thích 81: Alexandre de Rhodes (1593-1660), sinh ngày 15-3-1593 tại Avignon là đất của Tòa thánh từ năm 1348-1791, nên Rhodes có quốc tịch Tòa thánh, mặc dù sống trong nền văn hóa Pháp; hoạt động truyền giáo ở ĐT qua hai thời kỳ: 1624-1626 và 1640-1645; là một trong hai người đầu tiên chính thức mở ra cuộc truyền giáo ở ĐN từ 1627-1630; Rhodes có nhiều sáng kiến, nhiệt tình, can đảm trong sứ vụ; Rhodes là thừa sai đi lại nhiều nơi nhất ở Việt Nam thời đó; cha có công rất lớn với văn học Việt Nam, vì đã hoàn thành chữ Quốc ngữ và cho xuất bản sách Quốc ngữ đầu tiên năm 1651; bị trục xuất khỏi ĐT năm 1645, cha về Rôma, Pháp từ 1649-1654, vận động gửi Giám mục đi Việt Nam; bỏ Pháp cuối năm 1654, để đi Ispahan thủ đô Ba Tư (Iran) truyền giáo theo lệnh Bề trên cả ĐT; qua đời tại Ispahan 5-11-1660.

¹⁴ Linh mục Léopold Cadière (1869-1955), sinh tại Aix-en-Provence Pháp năm 1869, thuộc Hội Thừa sai Paris. Đến và hoạt động tại Việt Nam từ 1892-1955, tác giả của nhiều công trình nghiên cứu văn hóa, tín ngưỡng, dân tộc học, khảo cổ... là sáng lập viên và là linh hồn của tạp chí Bulletin des amis du Vieux Hue (Đô Thành Hiếu cổ) = Tạp chí của những người bạn Huế xưa...(Theo tác phẩm “Văn hóa, tín ngưỡng và thực hành tôn giáo người Việt”, nxb Thuận Hóa 2010, Lời Tựa, tr.9-14).

II. LỜI TUYỆT ĐỐI TRONG TIẾNG HỮU HẠN

Trong Bài Đọc II Giờ Kinh Sách của Chúa Nhật III Mùa Vọng vừa qua, Giáo Hội đã chọn trích đoạn Bài giảng của thánh Giám Mục Augustinô với tựa đề: **Thánh Gioan là tiếng, Đức Kitô là Lời**. Chúng ta có thể nghe lại một đoạn trong bài giảng thật thâm thúy sâu xa này: *“Thánh Gio-an là tiếng, còn Chúa, ngay từ nguyên thủy, đã là Lời. Thánh Gio-an là tiếng trong thời gian, còn Đức Ki-tô, ngay từ lúc khởi đầu, đã là Lời vĩnh cửu. Bỏ lời đi, tiếng còn là gì? Ở đâu không có gì để hiểu, thì chỉ là tiếng vang trống rỗng. Không có lời, tiếng chỉ đập vào tai, chứ không cảm hoá được tâm hồn...”*.

Kinh Thánh chính là Lời Chúa; mà Lời Chúa trong ngôn ngữ của Thánh sử Gioan đó chính Ngôi Hai Thiên Chúa, Đức Kitô – *“Lời hóa thành nhục thể và ở cùng chúng ta”* (Ga 1,14); cũng vậy, trong ngôn ngữ của Thư Do Thái, Đức Kitô chính là *“Lời cuối cùng”*, *“Lời chớp đỉnh”* trong tiến trình *“phán dạy”* hay *“mạc khải”* của Thiên Chúa: *“Thuở xưa, nhiều lần nhiều cách, Thiên Chúa đã phán dạy cha ông chúng ta qua các ngôn sứ; nhưng vào thời sau hết này, Thiên Chúa đã phán dạy chúng ta qua Thánh Tử”* (Dt 1,1-2).

Nếu Thánh Gioan Tiền Hô đã tự nhận mình là *“tiếng hô trong hoang mạc”* (Ga 1,23) để dọn đường cho dân Do Thái đón nhận *“Lời”*; và ngài đã dùng ngôn ngữ của quê hương ngài để giới thiệu Đức Kitô, thì một cách nào đó, các thừa sai, các nhà truyền giáo, trong đó có linh mục Albert Schlicklin – Cố chính Linh, đã dùng ngôn ngữ Việt Nam, tiếng Việt Nam để chuyển tải Lời Chúa cho dân tộc Việt chúng ta, như cách cắt nghĩa của Thánh Giáo phụ Augustinô: *“Như vậy, khi tìm cách làm thế nào để lời đã có trong tâm hồn tôi chuyển đến bạn và ở lại trong tâm hồn bạn, tôi dùng tiếng, và bằng tiếng ấy tôi nói với bạn: âm của tiếng chuyển tới bạn ý tưởng của lời; và khi âm của tiếng chuyển tới bạn ý tưởng của lời rồi, thì chính âm đó qua đi, nhưng lời do âm chuyển đến bạn thì vẫn ở lại trong tâm hồn bạn mà không rời bỏ tâm hồn tôi”* (Bài Đọc II Giờ Kinh Sách CN III MV).

Và như thế, Kinh Thánh, Lời Chúa luôn là *“Lời tuyệt đối, toàn năng, vĩnh cửu...”*, còn tiếng hay ngôn ngữ của bất cứ dân tộc nào hay bất cứ thời đại nào cũng đều mang tính *“hữu hạn”*. Tiếng Việt cư mang Lời, chuyển tải Lời cách đây hơn 100 năm cũng không thể vượt ra ngoài *“sự thật”* nền tảng đó.

1. Ngôn ngữ Việt chuyển tải Lời cách đây hơn một thế kỷ:

Từ khi cuốn Tự Điển của linh mục thừa sai Đắc Lộ đặt nền móng *tiếng Việt được Latinh hóa* xuất hiện vào thế kỷ 17 (Việt - Bồ - La 1651), và tiếp sau đó, khi ngôn ngữ Việt đã được phát triển và hoàn chỉnh cơ bản với cuốn Tự Điển của Đức Giám Mục Jean Louis Tabert (Anamitico-Latinum 1838), tiếng Việt hoàn toàn có thể trở nên phương thể hữu hiệu để chuyển tải Lời Chúa; và điều đó đã được Cố chính Linh thực hiện với bản dịch Kinh Thánh đầu tiên: KINH THÁNH CỨ BẢN VULGATA chính thức ra đời năm 1913 và hoàn chỉnh trọn bộ năm 1916.

Dĩ nhiên, khi đọc bản văn Kinh Thánh qua tiếng Việt cách đây hơn 100 năm, chúng ta không thể so sánh với ngôn ngữ hiện tại để đánh giá hơn thua, thấp kém; hay chỉ căn cứ vào một số từ xưng hô như *“Tao, mày...”* để phủ nhận mọi giá trị cao quý khác...!

Trong lãnh vực này, xin được nhường lời cho các bậc thức giả chuyên viên về Kinh Thánh hay chuyên môn ngôn ngữ học. Ở đây, chỉ xin đan cử một vài trích đoạn tiêu biểu của bộ KINH THÁNH CỨ BẢN VULGATA như những viên ngọc sáng chói của ngôn ngữ Việt đầu thế kỷ 20.

1. 1. Lời Thánh Vịnh đơn sơ:

Ở phần đầu, chúng ta đã thấy hai bản văn Kinh Thánh bằng văn xuôi của bộ *“Kinh Thánh cứ bản vulgata”*. Ở đây, xin đan cử một bản văn Thánh Vịnh (Tv 1,1-6) để chúng ta cùng cảm nhận cách chuyển ngữ Kinh Thánh đơn sơ, gãy gọn của Cố Chính Linh:

THƠ I.

Phúc cho kẻ lành, khốn cho kẻ dữ.

1. Phúc cho người chẳng theo mưu chước kẻ dữ,
chẳng đứng trong lối kẻ có tội,
và chẳng ngồi trên toà dịch lệ:
2. một ái mộ lẽ luật Chúa,
suy ngẫm lẽ luật Người đêm ngày.
3. Nó như cây giống bên suối nước,
cứ nhật kì nó kết hoa lái mình:
nó không rụng lá,
mọi việc nó làm điều thịnh sự.
4. Kẻ dữ chẳng phải thế, chẳng phải thế;
nó giống như bụi cát trên đất phải gió thổi tan.
5. Bởi vậy kẻ dữ chẳng chỗi dậy trong kì phán xét
vui kẻ có tội trong hội kẻ lành.
6. Vì chưng Chúa nhận biết đường nẻo kẻ lành;
và lối kẻ dữ sẽ ruyệt vong.

1. BEATUS vir, qui non abiit in consilio impiórum,
et in via peccatórum non stetit,
et in cáthedra pestiléntiæ non sedit:
2. sed in lege Dómini volúntas ejus,
et in lege ejus meditábitur die ac nocte.
3. Et erit tamquam lignum, quod plantátum est
[secus decúrsus aquárum,
quod fructum suum dabit in témpore suo:
et fólium ejus non défluét:
et ómnia quæcúmque fáciét prosperabúntur.
4. Non sic ímpii, non sic:
sed tamquam pulvis, quem prójicit ventus a fá-
5. Ideo non resúrgent ímpii in iudício: [cie terræ.
neque peccatóres in consílio justórum.
6. Quóniam novit Dóminus viam justórum:
et iter impiórum peribit.

1.2. Ngôn ngữ Tin Mừng chuẩn xác:

Bài Tựa Tin Mừng Gioan được kể là Bản văn Kinh Thánh đậm chất triết học và thần học sâu xa. Ngay từ 1913 mà cha ông chúng ta đã dùng tiếng mẹ đẻ để diễn tả trích đoạn Kinh Thánh đặc biệt này thì phải nói là tâm phục khẩu phục. Và Cố Chính Linh đã làm được chuyện đó như một đàn cử sau:

EVAN ÔNG THÁNH JUONG I, 5 — 14.

251

5. sự sáng soi trong sự tối tăm, song sự tối tăm
chẳng nhận biết sự sáng.
6. Có một người Đức Chúa Lời đã sai, tên là
Juong.
7. Người ấy đến để làm chứng, là làm chứng
về sự sáng, cho mọi người điều được tin bởi
người;
8. Người ấy chẳng phải là sự sáng, bèn là phải
làm chứng về sự sáng.
9. Đây là sự sáng thật soi cho mọi người sinh
ra ở thế gian này.
10. Người ở dưới thế, Người đã dựng nên thế
gian, song thế gian chẳng nhận biết Người.
11. Người đến cùng dân riêng Người, song
những kẻ thuộc về Người chẳng chịu lấy Người;
12. nhưng mà bao nhiêu kẻ chịu lấy Người thì
ban phép cho nó nên con cái Đức Chúa Lời, là
những kẻ tin danh Người;
13. chẳng phải bởi máu, bởi tính xác thịt, bởi
nam dục, bèn là bởi Đức Chúa Lời mà sinh ra.
14. Vậy Lời đã nên xác thịt loài người và ở cùng
chúng ta; mà chúng ta đã được xem thấy sự cá
sáng Người, thật là sự cá sáng Con một Đức Chúa
Cha, đầy đầy mọi ơn cùng mọi sự chân thật.

5. et lux in ténebris lucet, et ténebræ eam non
comprehendérunt.
6. Fuit homo missus a Deo, cui nomen erat
Joánnes.
7. Hic venit in testimónium ut testimónium
perhibéret de lúmine, ut omnes créderent per il-
lum.
8. Non erat ille lux, sed ut testimónium per-
hibéret de lúmine.
9. Erat lux vera, quæ illúminat omnem hómi-
nem veniéntem in hunc mundum.
10. In mundo erat, et mundus per ipsum factus
est, et mundus eum non cognóvit.
11. In própria venit, et sui eum non recepé-
runt:
12. quotquot autem recepérunt eum, dedit eis
potestátem filios Dei fieri, his, qui credunt in nó-
mine ejus:
13. qui non ex sanguínibus, neque ex voluntá-
te carnis, neque ex voluntáte viri, sed ex Deo
nati sunt.
14. Et Verbum caro factum est, et habitávit in
nobis: et vídimus glóriam ejus, glóriam quasi
Unigéniti a Patre plenum grátiae, et veritátis.

2. Khi Lời “nhập thể” trong tiếng Việt

Trong cuộc “tòa đàm trực tuyến” về chuyên đề “Văn Học Công Giáo đương đại” trong năm vừa qua, tôi đã có bài tham luận và đoạn kết đã nhận xét rằng: “Chọn lựa cách “hội nhập văn hóa” để chuyển tải Tin Mừng, để loan truyền chân lý cứu độ sao cho hiệu quả và phong phú, cách làm của Cha Ông ta đó nào đâu có phải là chuyện mới mẻ gì đâu! Từ thuở xa xưa khi bộ tộc của Israel còn trong thời “ăn lông ở lỗ”, khi tổ phụ của dân tộc họ, cụ Ápraham còn lang thang trên các thảo nguyên sống đời du mục, Thiên Chúa đã áp dụng nguyên tắc “hội nhập văn hóa” mang tính “nhập thể” rồi. Có nghĩa là Lời Mạc Khải của Thiên Chúa khi đi vào thế giới đã chọn đi qua “một chiếc cửa nhân loại” là “lịch sử của dân tộc Israel” với tất cả những yếu tố nhân văn, địa lý, xã hội, chính trị, kinh tế, pháp luật, lịch sử... của dân tộc này. Toàn bộ tuyệt tác Thánh Kinh Cựu và Tân ước phải chăng là “Lời mạc khải nhập thể giữa lòng nhân loại qua lịch sử của dân tộc Israel”....

Cũng chính với nguyên tắc “hội nhập văn hóa” đó, mà chúng ta tìm thấy ngôn ngữ của Kinh Thánh Cựu ước cũng như Tân ước mang nhiều “dáng đứng” khác nhau, theo trào lưu lịch sử văn hóa xã hội của dân tộc Israel: Từ thể văn mang tính huyền thoại, cổ tích (Sáng Thế, Tin mừng thời thơ ấu), đến anh hùng ca lịch sử (Xuất Hành, Samuen, Macabêô...), pháp đình lễ luật, phụng tự (Thứ luật, Lêvi...), khai huyền tiên tri (Đanien, Êgíékien, Khải huyền của Thánh Gioan...), châm ngôn huấn đạo (Khôn ngoan, Châm Ngôn, Giảng Viên...), thi ca trữ tình (Điểm tình ca), truyện ngắn tình yêu (Hôsê...), ca kinh nguyện cầu (Thánh vịnh...)...”

Một khi Lời Chúa được trồng trên mảnh đất Việt Nam thân yêu, chắc chắn sẽ không đi ngoài “quy luật của muôn đời” đó. Vì thế, có gì lạ đâu, khi ngôn ngữ bên Tây rất nghèo về “đại từ nhân xưng” thì tiếng Việt chúng ta lại rất phong phú. Nếu có ai đó bị dị ứng với các từ “Tao, mày” mà Cố chính Linh dùng thường xuyên trong “Kinh Thánh ứng bản vulgata” thì xin hiểu cho rằng: không phải lúc nào “mày, tao, mi tớ” cũng là những từ của sự thô lỗ cục cằn, mà rất nhiều khi, đó lại là những từ của thân mật, gần gũi, như ca dao Việt Nam:

Cảm ơn cái cối cái chày,

Đêm khuya giã gạo có mày có tao !

Cũng vậy, ông bà, cha mẹ rất thường dặn yêu con cháu: “Tết này mà tui bay không về ăn tết với tao là bị ăn đòn á !”. Cũng đừng quên, xưng hô “tao mày” là ngôn ngữ dành riêng cho đám bạn bè thân quen, nổi khổ...

hàng ở trong lòng bay, hễ bay muốn cầu xin sự gì thì bay sẽ được sự ấy.

8. Bởi bay sinh ra nhiều hoa lá thì Cha tao được sự cả sáng và bay thật là đầy tớ tao.

9. Cha yêu mến tao thể nào thì tao yêu mến bay cũng thể ấy. Bay hãy kính mến tao cho vững vàng.

10. Nếu bay vững giữ các điều răn tao thì bay vững vàng kính mến tao, như tao vững giữ mệnh lệnh Cha tao và vững vàng kính mến Người.

11. Tao nói cùng bay làm vậy để bay được sự vui mừng tao trong bay và sự vui mừng bay được trọn.

12. Đây là điều răn tao ban để bay thương yêu nhau như tao đã thương yêu bay vậy.

13. Chẳng có ai được lòng thương yêu hơn là kẻ bỏ sự sống vì bạn nghĩa thiết mình.

14. Nếu bay làm những sự tao đã truyền cho bay thì bay là kẻ thiết nghĩa cùng tao.

15. Rầy tao chẳng còn gọi bay là tôi tớ nữa, vì tôi tớ chẳng biết việc chúa mình làm. Tao một gọi bay là kẻ thiết nghĩa, vì mọi sự tao đã nghe bởi Cha tao, thì tao đã tỏ ra cho bay.

16. Chẳng phải bay kén chọn tao, bèn là tao kén chọn bay và đặt bay cho bay đi mà sinh ra hoa lá và hoa lá bay được bền đỗ; để bay lấy tên tao, hễ cầu xin sự gì cùng Cha thì Cha sẽ ban cho bay.

17. Tao răn dạy bay phải thương yêu nhau.

18. Nếu thế gian ghét bay, thì bay hãy biết nó đã ghét tao trước bay.

19. Nếu bay có thuộc về thế gian, âu là thế gian yêu kẻ thuộc về mình; song vì bay chẳng thuộc về thế gian mà tao đã kén chọn bay cho khỏi thế gian, bởi đây thế gian ghét bay.

vobis.

8. In hoc clarificatus est Pater meus, ut fructum plurimum afferatis, et efficiamini mei discipuli.

9. Sicut dilexit me Pater, et ego dilexi vos. Manete in dilectione mea.

10. Si praecepta mea servaveritis, manebitis in dilectione mea, sicut et ego Patris mei praecepta servavi, et maneo in ejus dilectione.

11. Haec locutus sum vobis: ut gaudium meum in vobis sit, et gaudium vestrum impleatur.

12. Hoc est praeceptum meum ut diligatis invicem, sicut dilexi vos.

13. Majorem hac dilectionem nemo habet, ut animam suam ponat quis pro amicis suis.

14. Vos amici mei estis, si feceritis quae ego praecipio vobis.

15. Jam non dicam vos servos: quia servus nescit quid faciat dominus ejus. Vos autem dixi amicos: quia omnia quaecumque audivi a Patre meo, nota feci vobis.

16. Non vos me elegistis: sed ego elegi vos, et posui vos ut eatis, et fructum afferatis: et fructus vester maneat: ut quodcumque petieritis Patrem in nomine meo, det vobis.

17. Haec mando vobis, ut diligatis invicem.

18. Si mundus vos odit: scitote quia me priorem vobis odio habuit.

19. Si de mundo fuissetis, mundus quod sum erat diligeret: quia vero de mundo non estis, sed ego elegi vos de mundo, propterea odit vos mundus.

Kết luận: Lời Chúa và “tác động Hiệp hành”

Cổ nhạc sĩ tài danh Phạm Duy có bài hát thuộc diện “bất hủ”, bài “Tình Ca” hay quen gọi là “Tiếng nước tôi”; và ca khúc đã mở đầu với những dòng thơ mượt mà:

Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời người ơi!

Mẹ hiền ru những câu xa vời.

À ơi! Tiếng ru muôn đời...

Và sau đó, bằng nhiều hình ảnh, cảm nhận lịch sử hay văn hóa dân tộc, ông đã thổi vào bài hát một cái hồn linh thiêng dịu vợi của tiếng Việt:

Tiếng nước tôi! Bốn ngàn năm ròng rã buồn vui.

Khóc cười theo mệnh nước nổi trôi, nước ơi!

Tiếng nước tôi! Tiếng mẹ sinh từ lúc nằm nôi.

Thoắt ngàn năm thành tiếng lòng tôi, nước ơi!...

Một yêu cầu hát Truyện Kiều.

Lặng lơ như tiếng sáo diều ư diều làng ta

Và yêu cô gái bên nhà.

Miệng xinh ăn nói mặn mà ừ mà có duyên...

Từ lúc mới còn “nằm nôi” khi Tin Mừng lần đầu tiên được gieo vãi với “Phép Giảng Tám ngày”, với “Tự Điển Việt Bồ La” của cha Đắc Lộ (1651) cho đến khi vững vàng với “Sấm Truyền Ca của Lữ Y Đoan” (1670), với “Tuồng Thương khó” của Nguyễn Bá Tòng (1912)..., và rồi hoàn mỹ với “Sứ điệp tình thương của Nguyễn Xuân Văn” (2001)..., quả thật, “tiếng nước tôi” đã được muôn thế hệ Kitô hữu vận dụng, trau chuốt với nhiều thể loại để chuyển tải Lời Chúa. Và trong cái chuỗi dài vận dụng “tiếng nước tôi” để cư mang Lời Chúa đó phải dành một vinh dự trân trọng cho linh mục thừa sai Albert Schlicklin – Cố chính Linh, người đầu tiên dịch toàn bộ Kinh Thánh bản Vulgata sang Việt Ngữ.

Dịp kỷ niệm 90 năm qua đời của ngài (2/3/1932) nằm trong thời gian Tổng Giáo Phận Hà Nội mở Công Nghị Giáo phận. Đây phải chăng là dịp thuận lợi để cộng đoàn Dân Chúa Hà Nội tưởng nhớ về ngài và công trình “Cuốn Kinh Thánh đầu tiên bằng Quốc ngữ”; đây cũng chính là điều mà trong thư mục vụ, Đức Tổng Giám Mục Giuse Vũ Văn Thiên đã nhắc đến:

“Công nghị Giáo phận sẽ nhấn mạnh tới chiều kích mục vụ bao gồm những mục đích sau:

** Nhìn lại quá khứ với tâm tình tạ ơn Thiên Chúa, tri ân các bậc tiền nhân về những hồng ân trọng đại đã nhận được từ xưa đến nay...”¹⁵*

Nhưng có lẽ, điều đáng suy nghĩ khi tìm lại một “công trình Lời Chúa” trong kho tàng “văn hóa đức tin” của Giáo Hội Việt Nam đó chính là “Lời Chúa và tác động Hiệp hành”.

Thật vậy, trong kinh cầu nguyện cho Thượng Hội Đồng Giám Mục thế giới thứ XVI với chủ đề: HƯỚNG TỚI MỘT HỘI THÁNH HIỆP HÀNH: HIỆP THÔNG, THAM GIA, SỨ VỤ, có những lời như sau: *“xin dạy chúng con lối đường phải đi và cách bước đi trên lối đường đó... Đừng để chúng con u mê sa vào nẻo đường lầm cũng đừng để chúng con làm theo thiên kiến. Xin giúp chúng con tìm thấy nơi Chúa sự hiệp thông giữa chúng con...”¹⁶*

Thế nhưng người Kitô hữu nào lại không biết “Lời Chúa là đường soi bước chân con” (Tv 119,105), là trường dạy và yếu tố hiệp thông tuyệt hảo nhất. Đã hơn 400 năm đón nhận Tin Mừng, nhưng Giáo Hội Việt Nam vẫn chưa có được một bộ Kinh Thánh mang tính “Hiệp hành”, “hiệp thông”; vừa ghi dấu ấn “*thừa thặng tiếp hạ*” công sức và giá trị của cha ông, vừa “*nhật nhật tân*” của văn minh đương đại.

Ước mong định hướng “Hiệp hành” của Giáo Hội hôm nay sẽ được Dân Chúa Việt Nam biến thành hiện thực; và hiện thực căn bản đầu tiên đó là KINH THÁNH, là LỜI CHÚA.

Trương Đình Hiền (Viết xong ngày 6/1/2022)

¹⁵ GIUSE VŨ VĂN THIÊN, TỔNG GIÁM MỤC HÀ NỘI, *Thư mục vụ v/v triệu tập Công nghị Tổng giáo phận kỷ niệm 110 năm Công đồng Kê-sô*, website <https://www.tonggiaophanhanoi.org/thu-muc-vu-trieu-tap-cong-nghi-tong-giao-phan-ky-niem-110-nam-cong-dong-ke-so/>

¹⁶ CẨM NANG CHO THƯỢNG HỘI ĐỒNG VỀ TÍNH HIỆP HÀNH, *Kinh cầu nguyện cho Thượng Hội Đồng*, tr. 3.

